TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1085/2019/DS-PT
Ngày: 22/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Bà Phan Thị Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Kiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 và 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2019/DSPT ngày 16/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 357/2019/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4376/2019/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Hồng N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 18/3 ấp x, xã HN, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Bà Mai Thị Kim S, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: 44 khu phố Y, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2018).

Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: 1/6 đường số x, khu phố Âb, phường Z, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 18/3 ấp X, xã HN, huyện TB, tỉnh ĐX.

Người đại diện hợp pháp: Bà Mai Thị Kim S, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: 44 khu phố y, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2018).

2/ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ E.

Trụ sở: 18/3 ấp y, xã HN, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Bà Mai Thị Kim S, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: 44 khu phố Y, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 30/4/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Vũ Hồng N và đại diện hợp pháp theo uỷ quyền là bà Mai Thị Kim S trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 10/6/2016 tại Phòng công chứng H, tỉnh Đồng Nai, ông Vũ Hồng N cùng vợ là bà Trần Thị L có cho ông Phạm Thanh T vay số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng (không có lãi suất). Sau khi ký hợp đồng xong ông N và bà L đã giao đủ số tiền cho ông T (không lập biên nhận). Việc cho ông T vay tiền không liên quan đến vợ ông T. Ngoài ra tại điều 2 của hợp đồng hai bên có thỏa thuận nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng ông N xác định hai bên chưa thực hiện thỏa thuận này, đồng thời không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Trước đó trong quá trình làm ăn với nhau, ông N có lấy hàng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ E giao cho ông T nhiều lần với tổng số tiền tính đến ngày 10/4/2016 ông T còn nợ là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Việc nợ tiền được ông T ký xác nhận vào ngày 10/6/2016, hai bên không có thỏa thuận tiền lãi và thời hạn trả số tiền nêu trên. Bản thân ông N phải bỏ tiền cá nhân để quyết toán tiền hàng lại cho công ty. Do thời hạn nợ lâu nên ngày 25/7/2017 ông N có gửi thông báo đòi nợ cho ông T nhưng ông T chỉ điện báo khất nợ nên ông N không đồng ý.

Nay ông Vũ Hồng N yêu cầu ông Phạm Thanh T trả 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) cho ông N và bà L. Yêu cầu trả 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) cho cá nhân ông N. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với số nợ trên. Việc trả tiền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Thanh T trình bày:

Ông T thừa nhận có ký hợp đồng vay số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) theo Hợp đồng công chứng số 6311 lập ngày 10/6/2016 tại Phòng công chứng H, tỉnh Đồng Nai với ông Vũ Hồng N. Theo nội dung hợp đồng, ông N và vợ là bà L cho ông vay 175.000.000 đồng nhưng sau khi ký hợp đồng xong ông N chỉ giao cho ông 20.000.000 đồng.

Về số tiền 600.000.000 đồng ông T xác định có ký vào Giấy xác nhận công

nợ ngày 10/6/2016. Việc ký giấy là do trong quá trình buôn bán ông có nhận hàng hóa từ ông Niên nhiều lần để đi bỏ mối cho khách nhưng do khách không trả tiền nên ông tự nguyện ký giấy xác nhận nợ với mục đích để giúp ông N chứng minh tài chính trong việc làm ăn buôn bán và có động lực để ông đi thu hồi nợ. Do ông không nhận tiền hay nợ tiền hàng nên khi nhận được thông báo của ông N gửi ngày 25/7/2017 về việc đòi nợ số tiền 775.000.000 đồng ông có báo lại cho ông N là không vay nên không có trả theo thông báo. Ông T xác định chỉ có vay 20.000.000 đồng của ông N và chỉ đồng ý trả số tiền này. Về các nội dung khác trong hợp đồng vay tiền hiện hai bên chưa thực hiện và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L có đại diện hợp pháp theo ủy quyền bà Mai Thị Kim S trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của ông N, đồng ý với yêu cầu của ông Niên về việc yêu cầu ông T trả ông bà số tiền 175.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH TM DV E có đại diện hợp pháp theo ủy quyền bà Mai Thị Kim S trình bày: Xác định không liên quan đến tranh chấp giữa ông N và ông T nên không có yêu cầu gì.

Bản án sơ thẩm số 357/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng N về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" và "*Tranh chấp đòi tài sản*" đối với ông Phạm Thanh T;

- Buộc ông Phạm Thanh T trả cho ông Vũ Hồng N và bà Trần Thị L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

- Buộc ông Phạm Thanh T trả cho ông Vũ Hồng N số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 28.800.000 (Hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn) đồng buộc ông Phạm Thanh T chịu.

Ông Vũ Hồng N chịu án phí 7.750.000 (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 17.500.000 (Mười bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0003844 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vũ Hồng N được nhận lại 9.750.000 (Chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014

Ngày 27/6/2019, nguyên đơn ông Vũ Hồng N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý một phần bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bản án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức buộc ông Phạm Thanh T trả cho ông N và bà L số tiền 20.000.000 đồng là không đảm bảo quyền lợi của ông bà. Do đó, ông bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm ngày 26/6/2019 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà: buộc ông Phạm Thanh T phải trả cho ông Vũ Hồng N và bà Trần Thị L số tiền vay là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngày 11/7/2019, bị đơn ông Phạm Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận một phần bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: không chấp nhận quyết định Tòa án nhân dân quận Thủ Đức buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của ông Vũ Hồng N về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), đồng thời đề nghị Tòa án buộc ông N cung cấp các chứng cứ tài liệu gồm: Hợp đồng mua bán Giày dép, Hóa đơn VAT, Hợp đồng công nợ, Hóa đơn xuất nhập kho (phiếu xuất kho).

Ngày 10/7/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 357/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 với nội dung: Kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 357/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 vì đã vi phạm nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho ông Vũ Hồng N và bà Trần Thị L số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, Viện Kiểm sát có quyết định rút kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 08-11-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có Quyết định số 05/PKS-VKS-DS về việc rút toàn bộ kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/7/2019, đề nghị Tòa án đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức.

Đối với kháng cáo của ông Vũ Hồng Niên và bà Trần Thị L về nội dung yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 175.000.000 đồng, xét thấy ông N bà L không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh việc ông bà đã giao cho bị đơn số tiền này theo hợp đồng vay, trong khi bị đơn chỉ thừa nhận có nhận của ông N bà L số tiền 20.000.000 đồng, nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn: Ông Phạm Thanh T viết và ký tên thừa nhận số tiền nợ 600.000.000 đồng tiền hàng của tại "Giấy xác nhận công nợ" ngày 10/6/2016 ông Vũ Hồng N tính đến ngày 10/4/2016. Từ sau thời điểm ngày 10/4/2016, ông T chưa trả số tiền nợ này, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Tại giai đoạn phúc thẩm, các đương sự cung cấp và thừa nhận lúc ký hợp đồng vay, nguyên đơn có giữ của bị đơn bản "Vi bằng" để đảm bảo cho hợp đồng vay, Nguyên đơn đồng ý sẽ giao trả cho bị đơn tài liệu này khi bị đơn thanh toán nợ vay cho nguyên đơn. Đề nghị phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bổ sung nội dung này.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Hồng N, bà Trần Thị L và của bị đơn Phạm Thanh T; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, kháng nghị. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ và tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 08-11-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có Quyết định số 05/PKS-VKS-DS về việc rút toàn bộ kháng nghị phúc thẩm số

03/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 357/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289, Điều 312 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Vũ Hồng N và bà Trần Thị L về số tiền theo hợp đồng vay: Theo nội dung hợp đồng vay hai bên ký kết được công chứng thể hiện "Việc giao tiền hai bên thực hiện ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên" và "Lãi suất thanh toán vào ngày 30 hàng tháng". Nguyên đơn không có tài liệu, giấy tờ, biên nhận gì để chứng minh sự việc nguyên đơn đã giao đủ số tiền vay là 175.000.000 đồng theo hợp đồng cho bị đơn. Lãi suất được thỏa thuận trả vào ngày 30 hàng tháng nhưng từ khi ký hợp đồng, nguyên đơn cũng không có chứng cứ nào chứng minh việc nguyên đơn có yêu cầu đòi bị đơn thực hiện việc trả lãi trên số tiền vay của hợp đồng, hoặc bị đơn có trả lãi trên số tiền vay của hợp đồng. Án sơ thẩm nhận định nguyên đơn không chứng minh được đã giao cho bị đơn số tiền vay theo hợp đồng là 175.000.000 đồng, chấp nhận theo thừa nhận của bị đơn chỉ nhận 20.000.000 đồng, là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Vũ Hồng N và bà Trần Thị L không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về số tiền nợ 600.000.000 đồng: Tại "Giấy xác nhận công nợ" ngày 10/6/2016 có nội dung ông Phạm Thanh T có lấy hàng và còn thiếu ông Vũ Hồng N tính đến ngày 10/4/2016 tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Ông T còn tự viết nội dung "Tôi T xác nhận số tiền trên là đúng" trước khi ký tên vào "Giấy xác nhận công nợ". Số tiền nợ này ông T chưa trả và cũng không có chứng cứ nào để phủ nhận chứng cứ là "Giấy xác nhận công nợ" ngày 10/6/2016. Số nợ tiền mua bán hàng hóa giữa ông T và ông N hai bên đã ký chốt nợ, nay ông T kháng cáo đòi ông Niên đưa ra các chứng từ, biên lai giao hàng để đối chiếu là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận kể từ sau khi ký "Giấy xác nhận công nợ" ngày 10/6/2016 cho đến nay, ông T không thanh toán cho ông Niên bất kỳ khoản tiền nào. Giai đoạn phúc thẩm, ông T cung cấp các tài liệu là những chứng từ chuyển tiền qua ngân hàng từ ông Phạm Thanh T cho Công ty TNHH-TMDV E, nhưng tất cả các chứng từ này đều thể hiện giao dịch chuyển tiền được thực hiện (năm 2014) trước thời điểm ông T ký chốt nợ tại "Giấy xác nhận công nợ" ngày 10/6/2016. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết sơ thẩm, các đương sự thừa nhận sự việc khi hai bên ký hợp đồng vay, nguyên đơn có cầm giữ của bị đơn các giấy tờ vi bằng liên quan đến phần đất của ông Phạm Thanh T mua.

Xét thấy, việc nguyên đơn có cầm giữ của bị đơn các giấy tờ này mục đích để đảm bảo cho khoản tiền vay, đây không là giao dịch hợp đồng mua bán nhà. Khi giải quyết hợp đồng vay, án sơ thẩm không đề cập giải quyết đối với các giấy tờ này là một thiếu sót. Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận và đồng ý khi bị đơn thanh toán tiền vay thì nguyên đơn sẽ trả lại các giấy tờ cho bị đơn. Xét việc phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bổ sung giải quyết nội dung này mà không cần thiết phải hủy án, cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của

các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289, Điều 312, khoản 2 Điều 380 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;

Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự Phạm Thanh T; Vũ Hồng N và bà Trần Thị L; Sửa Bản án sơ thẩm số 357/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng N:

- Buộc ông Phạm Thanh T trả cho ông Vũ Hồng N và bà Trần Thị L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; Ngay sau khi ông Tùng thực hiện trả số tiền này thì ông Vũ Hồng N và bà Trần Thị L phải giao trả cho ông T bản chính "Vi bằng số 814/2016/VB-TPLGV ngày 12/04/2016", do Văn phòng Thừa phát lại quận Gò Vấp lập, kèm theo vi bằng là bản sao các tài liệu gồm: Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của Nguyễn Minh C, Sổ hộ khẩu của Nguyễn Quang R và chứng minh nhân dân của Phạm Thanh T, bản vẽ sơ đồ nhà đất, văn bản thoả thuận và cam kết ngày 12 tháng 4 năm 2016 giữa Nguyễn Minh C và Phạm Thanh T.

- Buộc ông Phạm Thanh T trả cho ông Vũ Hồng N số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí sơ thẩm: Buộc ông Phạm Thanh T phải chịu 28.800.000 (Hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Ông Vũ Hồng N phải chịu án phí 7.750.000 (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 17.500.000 (Mười bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0003844 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vũ Hồng N được nhận lại 9.750.000 (Chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trả lại cho ông Phạm Thanh Tùng, ông Vũ Hồng N và bà Trần Thị L số tiền tạm ứng mỗi người đã nộp là 300.000 đồng. (Biên lai thu AA/2019/0003350 ngày 11/7/2019 và Biên lai thu AA/2019/0003363 ngày 12/7/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Thủ Đức).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- TAND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS; (20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Giảng